

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **69/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-8-2023.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kiều Hạnh;

Bà Lê Thị Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phí Hoàng Tuấn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông K' Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị P, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà P có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Trương Thị P thì:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2000 thì chuyển vào xã T, huyện D, tỉnh Lâm

Đồng sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, ông T thường xuyên uống rượu về nhà gây gỗ, quậy phá gia đình, đập phá đồ đạc trong nhà. Bà và các con khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022. Từ khi sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà, bà không báo với ban nhân dân thôn, không báo với chính quyền địa phương, không nhờ ban nhân dân thôn, không nhờ chính quyền địa phương giải quyết mâu thuẫn nên ban nhân dân thôn và chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng bà. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Trương Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là Trương Văn N, sinh ngày 10/6/1991, Trương Thị L, sinh ngày 07/10/1993 và Trương Thị L, sinh ngày 12/6/1995, hiện các con đều đã trưởng thành, phát triển bình thường.

Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày trong bản tự khai của ông Trương Văn T thì: Ông và bà Trương Thị P kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có ba con chung. Cuối năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về bất đồng quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm danh dự nhau. Thời gian gần đây, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay ông cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương bà P nữa, vợ chồng không còn quý trọng, quan tâm, chăm sóc nhau nữa, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy, bỏ mặc nhau muốn sống như thế nào thì sống. Vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 03 con chung là Trương Văn N, sinh ngày 10/6/1991, Trương Thị L, sinh ngày 07/10/1993 và Trương Thị L, sinh ngày 12/6/1995, hiện các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông tự thỏa thuận với bà P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định có nợ bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 185.000.000 đồng. Ly hôn ông yêu cầu bà P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền này.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên hòa giải; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Toàn nhưng ông Toàn không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa bà P và ông T có xảy ra và thực tế đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa tham gia phiên hòa giải và xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà P và ông T được ly hôn.

Về con chung: Giữa bà P và ông T có 03 con chung là chị Trương Thị L, sinh ngày 12/6/1995, anh Trương Văn N, sinh ngày 10/6/1991 và chị Trương Thị L, sinh ngày 07/10/1993, hiện các con đều đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung: Bà P, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Buộc bà P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà P yêu cầu được ly hôn với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Ông T vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo bà P nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, ông T thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ, quậy phá gia đình, đập phá đồ đạc trong nhà. Bà và các con

khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022. Từ khi sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông Trương Văn T. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm danh dự nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông không còn tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương bà P nữa nên xin được ly hôn với bà Trương Thị P. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P, ông T là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, cả bà P và ông T đều yêu cầu được ly hôn nhưng ông T không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P. Cho bà P và ông T được ly hôn.

[4] Về con chung: Giữa bà P và ông T có ba con chung là anh Trương Văn N, sinh ngày 10/6/1991, chị Trương Thị L, sinh ngày 07/10/1993 và chị Trương Thị L, sinh ngày 12/6/1995, hiện đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Bà P, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ông T xác định có nợ của bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 185.000.000 đồng. Ngày 16/5/2023 bà T có đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu vợ chồng bà P, ông T có trách nhiệm trả số tiền 181.063.000 đồng. Ngày 17/5/2023 Tòa án ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 310/TB-TA cho bà Nguyễn Thị Bích T nhưng bà T không nộp tiền tạm ứng án phí nên vào ngày 29/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà T (Thông báo số 07/TB-TA ngày 29/5/2023) nên không đề cập.

[7] Về án phí: Buộc bà P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị P và ông Trương Văn T ly hôn.
2. Về án phí: Bà Trương Thị P phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0014007 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng).
3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bà P được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Tân Thượng, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến